

SỞ Y TẾ TỈNH HUNG YÊN  
**BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI**

Số: ~~270~~ / BVBNĐ-TCHC

V/v Mời báo giá  
Mua Bảo hiểm cháy nổ phương tiện, TSCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hung Yên, ngày ~~19~~ tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Quý Đơn vị

Đẩy mạnh phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm không để xảy ra cháy, nổ. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, giải quyết có hiệu quả các vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra, loại trừ các nguy cơ phát sinh cháy, nổ ngay từ ban đầu, Bệnh viện chúng tôi trân trọng kính mời Quý đơn vị gửi báo giá cung cấp theo danh mục mua bảo hiểm cháy nổ phương tiện, TSCĐ dự kiến như sau:

- **Danh mục** mua bảo hiểm cháy nổ phương tiện, TSCĐ (có Danh mục kèm theo)

- Thời gian dự kiến mua sắm: Quý III năm 2015

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Dự kiến trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Để có cơ sở tham khảo giá và xây dựng dự toán, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới đề nghị quý Công ty, đơn vị có đủ năng lực gửi báo giá, chi tiết cụ thể như sau:

1. Bảng chào giá, bao gồm đầy đủ các loại chi phí, thuế, phí theo quy định hiện hành.

2. Hồ sơ năng lực, bao gồm: Giấy phép đăng ký kinh doanh; Hồ sơ năng lực chứng minh đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm cung ứng hàng hóa nêu trên.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Bộ phận Văn Thư thuộc phòng Tổ chức – Hành chính, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới. Địa chỉ: Đường Phạm Bạch Hổ, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên.

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 19/9/2025 đến trước 16h30 ngày 26/9/2025.

*Lưu ý: Hồ sơ phải được ký bởi đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp. Các tài liệu không phải Tiếng Việt phải đính kèm bản dịch bằng Tiếng Việt, nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch. Những báo giá không gửi kèm Hồ sơ năng lực sẽ không được xem xét, đánh giá.*

Rất mong Quý Công ty, Quý đơn vị tham gia báo giá để có cơ hội hợp tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BV/để báo cáo;
- Lưu VT.



KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Việt Hồng

## DANH MỤC TÀI SẢN THAM GIA BẢO HIỂM

(Kèm theo báo giá số 210/BVBND-TGHC ngày 19/9/2025 của Bệnh viện Bệnh nhiệt đới)

| STT | Tên tài sản                                                             | Nơi sử dụng | Số lượng | Nguyên giá     | Số tiền tham gia BH |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------|---------------------|
| 1   | Nhà điều trị 7 tầng                                                     |             | 1        | 34.762.026.200 | 18.076.253.624      |
| 2   | Nhà điều trị bệnh nhân nội trú                                          |             | 1        | 19.578.473.344 | 19.578.473.344      |
| 3   | Nhà hành chính                                                          |             | 1        | 17.800.000.000 | 17.800.000.000      |
| 4   | Nhà xét nghiệm, nhà đại thể, nhà chống nhiễm khuẩn, nhà tắm             |             | 1        | 16.887.531.000 | 16.887.531.000      |
| 5   | Nhà khám và điều trị bệnh nhân nghiện ma túy bằng thuốc Methadone       |             | 1        | 684.350.000    | 684.350.000         |
| 6   | Nhà để xe 1,2,3                                                         |             | 1        | 374.779.713    | 374.779.713         |
| 7   | Nhà để xe, nhà lưu bệnh nhân Methadone                                  |             | 1        | 292.743.000    | 292.743.000         |
| 8   | Nhà thường trực bảo vệ                                                  |             | 1        | 242.000.000    | 242.000.000         |
| 9   | Nhà Bơm                                                                 |             | 1        | 164.572.000    | 164.572.000         |
| 10  | Nhà chứa rác thải                                                       |             | 1        | 140.164.000    | 140.164.000         |
| 11  | Nhà cầu nối nhà xét nghiệm và nhà nội trú cải tạo                       |             | 1        | 125.874.943    | 125.874.943         |
| 12  | Thiết bị âm thanh di động Tramp-CA                                      | BP.KH&CĐT   | 1        | 12.370.000     | 12.370.000          |
| 13  | Máy ảnh kỹ thuật số NIKON                                               | BP.KH&CĐT   | 1        | 13.700.000     | 13.700.000          |
| 14  | Máy quay Sony HDR - X160F                                               | BP.KH&CĐT   | 1        | 28.200.000     | 28.200.000          |
| 15  | Máy tính xách tay HP                                                    | BP.KH&CĐT   | 1        | 16.000.000     | 16.000.000          |
| 16  | Bộ máy tính bàn HP Pavilion                                             | BP.KH&CĐT   | 1        | 14.650.000     | 14.650.000          |
| 17  | Máy vi tính CMS                                                         | BP.KH&CĐT   | 1        | 13.983.722     | 13.983.722          |
| 18  | Máy tính để bàn FPT HTN 4400 kèm lưu điện huyn dai 500VA                | BP.KH&CĐT   | 2        | 10.980.000     | 21.960.000          |
| 19  | Máy tính để bàn Sing PC Phi 583.0E371T0                                 | BP.KH&CĐT   | 1        | 14.990.000     | 14.990.000          |
| 20  | Máy ảnh Canon ES90D                                                     | BP.KH&CĐT   | 1        | 45.900.000     | 45.900.000          |
| 21  | Bộ máy tính để bàn FPT Elead TT64 G6400 4.0 H47M2-F22FA/22FH - Việt Nam | BP.KH&CĐT   | 1        | 13.670.000     | 13.670.000          |
| 22  | Máy tính xách tay HP 240 G8, core i3-1005G1                             | BP.KH&CĐT   | 1        | 14.850.000     | 14.850.000          |
| 23  | Bộ máy tính HP Pavilion                                                 | BP.KTTC     | 1        | 18.000.000     | 18.000.000          |
| 24  | Bộ bàn ghế họp bàn 2m4 và bộ 12 ghế đệm da lưng tựa                     | BP.KTTC     | 1        | 12.660.000     | 12.660.000          |
| 25  | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H kèm lưu điện huyn dai 500VA            | BP.KTTC     | 1        | 11.970.000     | 11.970.000          |

|    |                                                                         |            |   |               |               |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------------|---|---------------|---------------|
| 24 | Bộ bàn ghế họp bàn 2m4 và bộ 12 ghế đệm da lưng tựa                     | BP.KTTC    | 1 | 12.660.000    | 12.660.000    |
| 25 | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H kèm lưu điện huyn dai 500VA            | BP.KTTC    | 1 | 11.970.000    | 11.970.000    |
| 26 | Máy tính để bàn CMS X-Media X957-866 kèm lưu điện Maruson Pow 500AGMV   | BP.KTTC    | 2 | 14.990.000    | 29.980.000    |
| 27 | Bộ máy tính để bàn FPT Elead TT64 G6400 4.0 H47M2-F22FA/22FH - Việt Nam | BP.KTTC    | 1 | 13.670.000    | 13.670.000    |
| 28 | Bộ máy tính để bàn                                                      | BP.KTTC    | 1 | 18.400.000    | 18.400.000    |
| 29 | Điều hòa Panasonic 18000BTU                                             | K.Dược&CNK | 1 | 21.000.000    | 21.000.000    |
| 30 | Tủ bảo quản Towashi                                                     | K.Dược&CNK | 1 | 15.488.000    | 15.488.000    |
| 31 | Điều hòa Panasonic 12000BTU                                             | K.Dược&CNK | 1 | 15.280.000    | 15.280.000    |
| 32 | Máy điều hòa Pana E12 PKH                                               | K.Dược&CNK | 1 | 14.995.000    | 14.995.000    |
| 33 | Máy điều hòa Pana E12 PKH                                               | K.Dược&CNK | 1 | 14.995.000    | 14.995.000    |
| 34 | Máy giặt LG 1717HD                                                      | K.Dược&CNK | 1 | 20.500.000    | 20.500.000    |
| 35 | Máy giặt vắt công nghiệp Unimac                                         | K.Dược&CNK | 1 | 573.980.000   | 573.980.000   |
| 36 | Máy sấy công nghiệp Unimac                                              | K.Dược&CNK | 1 | 379.500.000   | 379.500.000   |
| 37 | Máy vi tính CMS                                                         | K.Dược&CNK | 1 | 13.983.722    | 13.983.722    |
| 38 | Điều hòa Panasonic 18000BTU 1 chiều                                     | K.Dược&CNK | 1 | 17.719.286    | 17.719.286    |
| 39 | Máy tính để bàn FPT HTN 4400 kèm lưu điện huyn dai 500VA                | K.Dược&CNK | 1 | 10.980.000    | 10.980.000    |
| 40 | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H kèm lưu điện huyn dai 500VA            | K.Dược&CNK | 1 | 11.970.000    | 11.970.000    |
| 41 | Tủ lạnh Panasonic NRBX418 GKVN                                          | K.Dược&CNK | 1 | 15.000.000    | 15.000.000    |
| 42 | Giá để tài liệu Inox 4 tầng KT:195 x 300 x 50cm                         | K.Dược&CNK | 5 | 18.000.000    | 90.000.000    |
| 43 | Thiết bị hệ thống xử lý nước thải                                       | K.Dược&CNK | 1 | 3.043.160.000 | 3.043.160.000 |
| 44 | Máy là lô: I33-200E; Primus - Alliance' lcv -202                        | K.Dược&CNK | 1 | 845.300.000   | 845.300.000   |
| 45 | Bồn oxy                                                                 | K.Dược&CNK | 1 | 1.050.000.000 | 1.050.000.000 |
| 46 | Máy tính để bàn SINGPC I3103.6A5702S0-W + màn hình SingPC SGP200S       | K.Dược&CNK | 1 | 14.930.000    | 14.930.000    |

|    |                                                                         |      |   |             |             |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------|---|-------------|-------------|
| 47 | Điều hòa Panasonic 12000BTU                                             | K.TN | 1 | 15.280.000  | 15.280.000  |
| 48 | Máy tính để bàn HP DX2355                                               | K.TN | 1 | 14.880.000  | 14.880.000  |
| 49 | Máy điều hòa Panasonic 12000BTU                                         | K.TN | 1 | 14.654.200  | 14.654.200  |
| 50 | Máy điều hòa Pana E12 PKH                                               | K.TN | 2 | 14.995.000  | 29.990.000  |
| 51 | Máy điều hòa Panasonic 12000BTU                                         | K.TN | 1 | 17.600.000  | 17.600.000  |
| 52 | Máy tính HP                                                             | K.TN | 1 | 12.800.000  | 12.800.000  |
| 53 | Máy hủy bơm kim tiêm                                                    | K.TN | 1 | 10.000.000  | 10.000.000  |
| 54 | Máy đo độ oxy bão hòa cầm tay                                           | K.TN | 1 | 40.000.000  | 40.000.000  |
| 55 | Máy xông khí dung                                                       | K.TN | 1 | 30.000.000  | 30.000.000  |
| 56 | Máy truyền dịch                                                         | K.TN | 2 | 30.000.000  | 60.000.000  |
| 57 | Điều hòa Panasonic 12000 BTU                                            | K.TN | 1 | 17.600.000  | 17.600.000  |
| 58 | Máy tính để bàn FPT ELEAD T2017G<br>Lưu điện 500VA Hyundai              | K.TN | 1 | 12.990.000  | 12.990.000  |
| 59 | Máy bơm tiêm điện                                                       | K.TN | 1 | 67.329.031  | 67.329.031  |
| 60 | Máy hút áp lực thấp                                                     | K.TN | 1 | 77.687.344  | 77.687.344  |
| 61 | Nồi hấp áp lực loại dung tích vừa(75 lít)                               | K.TN | 1 | 880.456.564 | 880.456.564 |
| 62 | Tủ sấy nhiệt độ 250 độ C                                                | K.TN | 1 | 98.403.969  | 98.403.969  |
| 63 | Điều hòa panasonic 12.000 BTU<br>1 chiều                                | K.TN | 3 | 13.855.715  | 41.567.145  |
| 64 | Điều hòa Panasonic 12000BTU 1 chiều                                     | K.TN | 1 | 13.519.286  | 13.519.286  |
| 65 | Máy tính để bàn FPT HTN 4400 kèm<br>lưu điện huyndai 500VA              | K.TN | 1 | 10.980.000  | 10.980.000  |
| 66 | Điều hòa panasonic 12.000 BTU<br>1 chiều                                | K.TN | 3 | 12.800.000  | 38.400.000  |
| 67 | Máy tính để bàn Sing PC Phi<br>583.0E371T0                              | K.TN | 1 | 14.990.000  | 14.990.000  |
| 68 | Điều hòa panasonic 12.000 BTU<br>1 chiều                                | K.TN | 2 | 13.519.286  | 27.038.572  |
| 69 | Máy điều hòa Panasonic 12000BTU                                         | K.TN | 1 | 12.450.000  | 12.450.000  |
| 70 | Máy điều hòa Panasonic 18000BTU                                         | K.TN | 1 | 17.680.000  | 17.680.000  |
| 71 | Máy tính để bàn SINGPC<br>I3103.6A5702S0-W + màn hình SingPC<br>SGP200S | K.TN | 1 | 14.930.000  | 14.930.000  |

|     |                                                                                                    |          |   |             |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-------------|-------------|
| 72  | Bàn hợp chất liệu gỗ sơn + Menamine(<br>Bàn: KT 2400 x 1200 x 760mm; Ghế:<br>KT: 580 x 615 x 910mm | K.TN     | 1 | 13.000.000  | 13.000.000  |
| 73  | Điều hòa Panasonic 18000BTU                                                                        | K.Nội TH | 2 | 21.000.000  | 42.000.000  |
| 74  | Điều hòa Panasonic 12000BTU                                                                        | K.Nội TH | 1 | 15.280.000  | 15.280.000  |
| 75  | Điều hòa LG 18000 BTU                                                                              |          | 2 | 14.130.000  | 28.260.000  |
| 76  | Điều hòa Panasonic 18000BTU                                                                        |          | 1 | 21.639.200  | 21.639.200  |
| 77  | Máy xông khí dung                                                                                  |          | 1 | 30.000.000  | 30.000.000  |
| 78  | Máy truyền dịch                                                                                    |          | 2 | 55.416.972  | 110.833.944 |
| 79  | Máy bơm tiêm điện                                                                                  |          | 1 | 67.329.039  | 67.329.039  |
| 80  | Máy hút áp lực thấp                                                                                |          | 1 | 77.687.344  | 77.687.344  |
| 81  | Tủ sấy nhiệt độ 250 độ C                                                                           |          | 1 | 98.403.969  | 98.403.969  |
| 82  | Điều hòa Panasonic 12000BTU 1 chiều                                                                |          | 2 | 13.519.286  | 27.038.572  |
| 83  | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H<br>kèm lưu điện huyndai 500VA                                     |          | 1 | 11.970.000  | 11.970.000  |
| 84  | Điều hòa panasonic 12.000 BTU<br>1 chiều                                                           |          | 3 | 12.800.000  | 38.400.000  |
| 85  | Máy tính để bàn Sing PC Phi<br>583.0E371T0                                                         |          | 1 | 14.990.000  | 14.990.000  |
| 86  | Bộ máy tính kèm : CMS X Media<br>XM2L - E66                                                        |          | 1 | 14.750.000  | 14.750.000  |
| 87  | Điều hòa LG 18000 BTU                                                                              | K.HSCC   | 1 | 14.130.000  | 14.130.000  |
| 88  | Máy tạo ô xi di động                                                                               | K.HSCC   | 2 | 28.000.000  | 56.000.000  |
| 89  | Máy hút dịch                                                                                       | K.HSCC   | 1 | 32.000.000  | 32.000.000  |
| 90  | Máy điện tim 6 cần                                                                                 | K.HSCC   | 1 | 60.000.000  | 60.000.000  |
| 91  | Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số<br>NOVA 3M                                                   | K.HSCC   | 1 | 117.975.000 | 117.975.000 |
| 92  | Giường cấp cứu đa năng 2 tay quay                                                                  | K.HSCC   | 2 | 50.000.000  | 100.000.000 |
| 93  | Giường cấp cứu đa năng 1 tay quay                                                                  | K.HSCC   | 1 | 19.000.000  | 19.000.000  |
| 94  | Máy đo độ oxy bão hòa cầm tay                                                                      | K.HSCC   | 1 | 40.000.000  | 40.000.000  |
| 95  | Máy thở xách tay cấp cứu chuyên dụng                                                               | K.HSCC   | 1 | 348.000.000 | 348.000.000 |
| 96  | Máy vi tính CMS                                                                                    | K.HSCC   | 1 | 13.983.722  | 13.983.722  |
| 97  | Máy truyền dịch                                                                                    | K.HSCC   | 2 | 55.416.972  | 110.833.944 |
| 98  | Máy bơm tiêm điện                                                                                  | K.HSCC   | 2 | 67.329.039  | 134.658.078 |
| 99  | Monitor theo dõi bệnh nhân                                                                         | K.HSCC   | 3 | 215.970.816 | 647.912.448 |
| 100 | Máy hút áp lực thấp                                                                                | K.HSCC   | 1 | 77.687.344  | 77.687.344  |
| 101 | Tủ sấy nhiệt độ 250 độ C                                                                           | K.HSCC   | 2 | 98.403.969  | 196.807.938 |

|     |                                                                   |             |    |               |               |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------|----|---------------|---------------|
| 102 | Bộ dụng cụ mở khí quản                                            | K.HSCC      | 1  | 21.752.456    | 21.752.456    |
| 103 | Giường cấp cứu                                                    | K.HSCC      | 2  | 25.895.781    | 51.791.562    |
| 104 | Máy đo khí máu                                                    | K.HSCC      | 1  | 704.365.252   | 704.365.252   |
| 105 | Điều hòa panasonic 12.000 BTU 1 chiều                             | K.HSCC      | 2  | 13.855.715    | 27.711.430    |
| 106 | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H kèm lưu điện huyn dai 500VA      | K.HSCC      | 1  | 11.970.000    | 11.970.000    |
| 107 | Máy thở xách tay Oxylog 3000 PLUS                                 | K.HSCC      | 1  | 1.247.500.000 | 1.247.500.000 |
| 108 | Máy thở sử dụng cho cả người lớn và trẻ em Savina 300 Classic     | K.HSCC      | 1  | 1.247.500.000 | 1.247.500.000 |
| 109 | Thiết bị diệt khuẩn làm sạch không khí                            | K.HSCC      | 3  | 120.000.000   | 360.000.000   |
| 110 | Máy tạo oxy                                                       | K.HSCC      | 3  | 38.500.000    | 115.500.000   |
| 111 | Thiết bị diệt khuẩn làm sạch không khí                            | K.HSCC      | 7  | 21.800.000    | 152.600.000   |
| 112 | Máy điện tim 12 kênh                                              | K.HSCC      | 2  | 125.350.000   | 250.700.000   |
| 113 | Bộ dụng cụ tiểu phẫu 13 chi tiết                                  | K.HSCC      | 1  | 56.418.080    | 56.418.080    |
| 114 | Bộ đặt nội khí quản gồm 5 lưỡi                                    | K.HSCC      | 1  | 39.763.296    | 39.763.296    |
| 115 | Máy thở đa năng(máy thở xâm nhập và không xâm nhập)               | K.HSCC      | 1  | 653.700.259   | 653.700.259   |
| 116 | Máy hút dịch chạy điện                                            | K.HSCC      | 2  | 39.867.388    | 79.734.776    |
| 117 | Máy thở VFS - 410                                                 | K.HSCC      | 2  | 106.000.000   | 212.000.000   |
| 118 | Máy tạo oxy                                                       | K.HSCC      | 10 | 24.960.364    | 249.603.640   |
| 119 | Bộ máy tính : CMS X Media XM2L - E66                              | K.HSCC      | 1  | 14.750.000    | 14.750.000    |
| 120 | Đèn soi thanh quản(bộ đặt nội khí quản có camera)-vlarynX         | K.HSCC      | 1  | 140.200.000   | 140.200.000   |
| 121 | Máy tính để bàn SINGPC I3103.6A5702S0-W + màn hình SingPC SGP200S | K.HSCC      | 1  | 14.930.000    | 14.930.000    |
| 122 | Máy hút dịch (chạy điện hai bình - hai hút đờm)                   | K.HSCC      | 2  | 33.100.000    | 66.200.000    |
| 123 | Tủ sắt để tài liệu - KT: 1350 x 450 x 1830mm; Mã hiệu TS05        | K.HSCC      | 1  | 2.480.000     | 2.480.000     |
| 124 | Điều hòa Panasonic 18000BTU                                       | K.Khám bệnh | 1  | 21.000.000    | 21.000.000    |
| 125 | Bộ bàn ghế gỗ gụ đời đường                                        | K.Khám bệnh | 1  | 35.500.000    | 35.500.000    |
| 126 | Điều hòa Panasonic 12000BTU                                       | K.Khám bệnh | 1  | 14.654.200    | 14.654.200    |
| 127 | Tủ két 2 cánh                                                     | K.Khám bệnh | 1  | 10.000.000    | 10.000.000    |
| 128 | Điều hòa Panasonic công suất12000BTU 1 chiều                      | K.Khám bệnh | 1  | 14.500.000    | 14.500.000    |

|     |                                                                          |               |   |             |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|---------------|---|-------------|-------------|
| 129 | Camera: 1 đầu ghi hình, 4 cam thu hình HN Vision, ổ cứng 1 TBL, phụ kiện | K.Khám bệnh   | 1 | 18.500.000  | 18.500.000  |
| 130 | Đầu nhận dạng thẻ cảm ứng WISE EYE WSE -398                              | K.Khám bệnh   | 1 | 15.500.000  | 15.500.000  |
| 131 | Máy điều hòa Pana E12 PKH                                                | K.Khám bệnh   | 2 | 14.995.000  | 29.990.000  |
| 132 | Bộ máy tính HP Pavilion 500-500x                                         | K.Khám bệnh   | 1 | 14.650.000  | 14.650.000  |
| 133 | Cáng đẩy bệnh nhân                                                       | K.Khám bệnh   | 2 | 15.000.000  | 30.000.000  |
| 134 | Máy hủy bơm kim tiêm                                                     | K.Khám bệnh   | 1 | 10.000.000  | 10.000.000  |
| 135 | Nồi hấp áp lực loại dung tích vừa(75 lit)                                | K.Khám bệnh   | 1 | 880.456.564 | 880.456.564 |
| 136 | Tủ sấy nhiệt độ 250 độ C                                                 | K.Khám bệnh   | 1 | 98.403.969  | 98.403.969  |
| 137 | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                                                     | K.Khám bệnh   | 2 | 15.537.469  | 31.074.938  |
| 138 | Bàn tiểu phẫu                                                            | K.Khám bệnh   | 1 | 12.947.891  | 12.947.891  |
| 139 | Điều hòa panasonic 12.000 BTU 1 chiều                                    | K.Khám bệnh   | 2 | 13.855.714  | 27.711.428  |
| 140 | Điều hòa Panasonic 12000BTU 1 chiều                                      | K.Khám bệnh   | 1 | 13.519.286  | 13.519.286  |
| 141 | Máy tính để bàn FPT HTN 4400 kèm lưu điện huyn dai 500VA                 | K.Khám bệnh   | 2 | 10.980.000  | 21.960.000  |
| 142 | Máy tính để bàn FPT Elead T2018H kèm lưu điện huyn dai 500VA             | K.Khám bệnh   | 1 | 11.970.000  | 11.970.000  |
| 143 | Máy tính để bàn CMS X-media X958-868 kèm lưu điện Maruson Pow 500ACMV    | K.Khám bệnh   | 3 | 12.950.000  | 38.850.000  |
| 144 | Máy photo copy Kyocera Taskalfa 3212i                                    | K.Khám bệnh   | 1 | 74.990.000  | 74.990.000  |
| 145 | Bộ máy tính để bàn FPT Elead TT64 G6400 4.0 H47M2-F22FA/22FH - Việt Nam  | K.Khám bệnh   | 2 | 13.670.000  | 27.340.000  |
| 146 | Máy tính để bàn SINGPC I3103.6A5702S0-W + màn hình SingPC SGP200S        | K.Khám bệnh   | 2 | 14.930.000  | 29.860.000  |
| 147 | Tủ l'nh (Tủ lạnh đựng sinh phẩm, má                                      | BP.Xét nghiệm | 2 | 15.488.000  | 30.976.000  |
| 148 | Máy đếm tế bào CD3, CD4, CD8                                             | BP.Xét nghiệm | 1 | 543.168.000 | 543.168.000 |
| 149 | Dàn Eliza Huma reader                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 257.900.000 | 257.900.000 |
| 150 | Bộ phân tích Elisa Biorad 680                                            | BP.Xét nghiệm | 1 | 92.545.690  | 92.545.690  |
| 151 | Máy ủ ấm Elisa Biorad IPS                                                | BP.Xét nghiệm | 1 | 46.272.762  | 46.272.762  |
| 152 | Máy li tâm (Hettich)                                                     | BP.Xét nghiệm | 1 | 28.990.000  | 28.990.000  |
| 153 | Tủ ấm                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 33.925.000  | 33.925.000  |
| 154 | Tủ sấy                                                                   | BP.Xét nghiệm | 1 | 33.925.000  | 33.925.000  |
| 155 | Bộ rửa Elisa Biorad IPS                                                  | BP.Xét nghiệm | 1 | 56.014.284  | 56.014.284  |
| 156 | Máy lác ngang kèm bộ đổi nguồn 110                                       | BP.Xét nghiệm | 1 | 19.393.000  | 19.393.000  |
| 157 | Máy lác xoay RPR kèm bộ đổi nguồn 110                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 19.393.000  | 19.393.000  |
| 158 | Máy lác Serodia kèm bộ đổi nguồn 110                                     | BP.Xét nghiệm | 1 | 19.393.000  | 19.393.000  |
| 159 | Máy huyết học 18 thông số kèm máy in                                     | BP.Xét nghiệm | 1 | 193.986.000 | 193.986.000 |
| 160 | Tủ sạch Sanyo (an toàn sinh học)                                         | BP.Xét nghiệm | 1 | 96.830.000  | 96.830.000  |

|     |                                                                                                    |               |   |               |               |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---|---------------|---------------|
| 161 | Tủ bảo quản sinh phẩm (Hitachi)                                                                    | BP.Xét nghiệm | 2 | 10.000.000    | 20.000.000    |
| 162 | Kính hiển vi 2 mắt                                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 35.000.000    | 35.000.000    |
| 163 | Pipet man 8 kênh loại 5 -50Mj                                                                      | BP.Xét nghiệm | 2 | 12.000.000    | 24.000.000    |
| 164 | Máy xét nghiệm sinh hóa máu tự động                                                                | BP.Xét nghiệm | 1 | 878.000.000   | 878.000.000   |
| 165 | Máy phân tích nước tiểu tự động                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 35.000.000    | 35.000.000    |
| 166 | Kính hiển vi Kruss Đức MBL 2000                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 31.366.000    | 31.366.000    |
| 167 | Tủ an toàn sinh học Esco AC2-4E1                                                                   | BP.Xét nghiệm | 1 | 198.000.000   | 198.000.000   |
| 168 | Nồi hấp ướ                                                                                         | BP.Xét nghiệm | 1 | 56.787.500    | 56.787.500    |
| 169 | Máy li tâm EBA21                                                                                   | BP.Xét nghiệm | 1 | 55.909.091    | 55.909.091    |
| 170 | Tủ lạnh âm sâu 20 độ C                                                                             | BP.Xét nghiệm | 1 | 73.636.364    | 73.636.364    |
| 171 | Bộ Pipetman 8 kênh                                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 47.727.273    | 47.727.273    |
| 172 | Tủ mát sanaky VH03K                                                                                | BP.Xét nghiệm | 1 |               | -             |
| 173 | Máy XN huyết học 18 thông số                                                                       | BP.Xét nghiệm | 1 | 398.000.000   | 398.000.000   |
| 174 | Nồi hấp tiệt trùng                                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 350.000.000   | 350.000.000   |
| 175 | Tủ sấy                                                                                             | BP.Xét nghiệm | 1 | 56.000.000    | 56.000.000    |
| 176 | Máy đếm tải lượng vius Roto                                                                        | BP.Xét nghiệm | 1 | 2.084.500.000 | 2.084.500.000 |
| 177 | Tủ thao tác PCR                                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 112.200.000   | 112.200.000   |
| 178 | Máy li tâm lạnh Mikro 200R                                                                         | BP.Xét nghiệm | 1 | 262.130.000   | 262.130.000   |
| 179 | Máy lắc Vortex                                                                                     | BP.Xét nghiệm | 1 | 46.200.000    | 46.200.000    |
| 180 | Micro pipette                                                                                      | BP.Xét nghiệm | 1 | 52.800.000    | 52.800.000    |
| 181 | Máy vi tính CMS X-Media                                                                            | BP.Xét nghiệm | 1 | 12.100.000    | 12.100.000    |
| 182 | Máy tính HP                                                                                        | BP.Xét nghiệm | 1 | 12.500.000    | 12.500.000    |
| 183 | Máy ủ nhiệt khô                                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 48.000.000    | 48.000.000    |
| 184 | Máy ly tâm (mini spin)                                                                             | BP.Xét nghiệm | 1 | 18.000.000    | 18.000.000    |
| 185 | Micropipette 1-10                                                                                  | BP.Xét nghiệm | 4 | 20.000.000    | 80.000.000    |
| 186 | Micropipette 5-50                                                                                  | BP.Xét nghiệm | 4 | 20.000.000    | 80.000.000    |
| 187 | Máy sinh hóa tự động kèm theo máy vi tính và máy in laser trắng đen Fuji Xerox DocuPrint Pctus 700 | BP.Xét nghiệm | 1 | 2.111.024.092 | 2.111.024.092 |
| 188 | Máy phân tích miễn dịch tự động                                                                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 3.778.712.409 | 3.778.712.409 |
| 189 | Máy điện giải 5 thông số                                                                           | BP.Xét nghiệm | 1 | 502.378.157   | 502.378.157   |
| 190 | Máy định danh vi khuẩn, làm kháng sinh đồ tự động                                                  | BP.Xét nghiệm | 1 | 3.040.164.726 | 3.040.164.726 |
| 191 | Máy cấy máu                                                                                        | BP.Xét nghiệm | 1 | 1.707.049.904 | 1.707.049.904 |
| 192 | Máy cất nước 2 lần                                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 191.628.782   | 191.628.782   |
| 193 | Kính hiển vi huỳnh quang                                                                           | BP.Xét nghiệm | 1 | 603.889.620   | 603.889.620   |
| 194 | Máy đo độ PH                                                                                       | BP.Xét nghiệm | 1 | 36.254.094    | 36.254.094    |
| 195 | Máy nhuộm tiêu bản                                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 806.912.546   | 806.912.546   |
| 196 | Máy tính để bàn FPT HTN 4400                                                                       | BP.Xét nghiệm | 2 | 10.980.000    | 21.960.000    |
| 197 | Tủ lạnh âm sâu (-40 độ) Tủ đứng, model PDF 370 W                                                   | BP.Xét nghiệm | 1 | 194.985.000   | 194.985.000   |
| 198 | Máy định lượng virus - Hệ thống tách DNA/RNA và chia mẫu tự động                                   | BP.Xét nghiệm | 1 | 6.998.000.000 | 6.998.000.000 |
| 199 | Máy vi tính CMS X Media                                                                            | BP.Xét nghiệm | 2 | 14.900.000    | 29.800.000    |
| 200 | Máy li tâm                                                                                         | BP.Xét nghiệm | 1 | 123.650.000   | 123.650.000   |
| 201 | Tủ lạnh dương(bảo quản mẫu 2-8độC)                                                                 | BP.Xét nghiệm | 1 | 219.500.000   | 219.500.000   |

|     |                                                  |               |   |               |               |
|-----|--------------------------------------------------|---------------|---|---------------|---------------|
| 202 | Tủ lạnh âm sâu kiểu đứng 369l                    | BP.Xét nghiệm | 1 | 493.918.428   | 493.918.428   |
| 203 | Tủ an toàn sinh học cấp II                       | BP.Xét nghiệm | 1 | 192.050.474   | 192.050.474   |
| 204 | Máy nuôi cấy vi sinh                             | BP.Xét nghiệm | 1 | 199.649.219   | 199.649.219   |
| 205 | Tủ âm C02(150l)                                  | BP.Xét nghiệm | 1 | 306.864.389   | 306.864.389   |
| 206 | Máy đếm khuẩn lạc tự động                        | BP.Xét nghiệm | 1 | 494.126.613   | 494.126.613   |
| 207 | Máy li tâm lạnh để bàn                           | BP.Xét nghiệm | 1 | 356.620.555   | 356.620.555   |
| 208 | Tủ bảo quản hóa chất( nhiệt độ từ 2-10 độ C)     | BP.Xét nghiệm | 1 | 234.207.895   | 234.207.895   |
| 209 | Máy phân tích huyết học tự động hoàn toàn        | BP.Xét nghiệm | 1 | 2.557.550.218 | 2.557.550.218 |
| 210 | Máy đo đông máu tự động                          | BP.Xét nghiệm | 1 | 1.306.359.594 | 1.306.359.594 |
| 211 | Ôn áp lioa 1 pha 15KVA( dài rộng -0-250V         | BP.Xét nghiệm | 2 | 13.310.000    | 26.620.000    |
| 212 | Máy vi tính để bàn (Media XE2H)                  | BP.Xét nghiệm | 1 | 15.561.813    | 15.561.813    |
| 213 | Máy xét nghiệm Realtime - PCR                    | BP.Xét nghiệm | 1 |               | -             |
| 214 | Máy rót môi trường DOSE IT O910                  | BP.Xét nghiệm | 2 | 107.650.000   | 215.300.000   |
| 215 | Pipet man 8 kênh, thay đổi thể tích 0.5-10µl     | BP.Xét nghiệm | 1 | 22.800.000    | 22.800.000    |
| 216 | Pipet man 8 kênh, thay đổi thể tích 120-1200µl   | BP.Xét nghiệm | 2 | 23.900.000    | 47.800.000    |
| 217 | Pipet man 8 kênh, thay đổi thể tích 30-300µl     | BP.Xét nghiệm | 4 | 22.800.000    | 91.200.000    |
| 218 | Tủ bảo quản hóa chất - LCV - 202GR               | BP.Xét nghiệm | 1 | 220.450.000   | 220.450.000   |
| 219 | Tủ lạnh âm sâu :LDF-9010U                        | BP.Xét nghiệm | 1 | 452.000.000   | 452.000.000   |
| 220 | Tủ an toàn sinh học cấp II                       | BP.Xét nghiệm | 1 | 177.500.000   | 177.500.000   |
| 221 | Máy phân tích điện giải tự động.Mdel:Autu ISE500 | BP.Xét nghiệm | 1 | 160.000.000   | 160.000.000   |
| 222 | Máy phân tích huyết học.Model: Star Diff3        | BP.Xét nghiệm | 1 | 150.000.000   | 150.000.000   |
| 223 | Máy xét nghiệm nước tiểu. Model Click-50         | BP.Xét nghiệm | 1 | 62.000.000    | 62.000.000    |
| 224 | Máy Xquang Ezy-Rad Pro                           | BP.CĐHA       | 1 | 818.000.000   | 818.000.000   |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |         |   |               |               |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---|---------------|---------------|
| 225 | Máy siêu âm 4D                                                                                                                                                                                                                                                 | BP.CĐHA | 1 | 996.000.000   | 996.000.000   |
| 226 | Máy in phim khô XQ                                                                                                                                                                                                                                             | BP.CĐHA | 1 | 311.960.000   | 311.960.000   |
| 227 | Máy vi tính CMS X-Media                                                                                                                                                                                                                                        | BP.CĐHA | 1 | 12.100.000    | 12.100.000    |
| 228 | Máy X-quang cao tần KTS ( tủ điều khiển và nguồn phát tia cao tần, bàn BN, giá chụp phổi, cột bóng, bóng phát tia X, bộ chuẩn trục chùm tia,tấm cảm biến phẳng Flat Panel cố định,trạm điều khiển và thu ảnh số hóa, máy in phim khô, ổn áp 3 pha,bộ lưu điện) | BP.CĐHA | 1 | 5.435.524.497 | 5.435.524.497 |
| 229 | Máy chụp Xquang tại giường( máy Xquang di động, trạm đọc và xử lý ảnh CR, xe đẩy di động, bóng X-quang, trạm đọc và xử lý ảnh CR , đầu đọc ảnh CR , máy tính kèm phần mềm, máy in phim khô)                                                                    | BP.CĐHA | 1 | 2.022.253.354 | 2.022.253.354 |
| 230 | Máy điện tim 3 cần                                                                                                                                                                                                                                             | BP.CĐHA | 1 | 77.687.344    | 77.687.344    |
| 231 | Máy đo chức năng hô hấp kèm máy tính laptop                                                                                                                                                                                                                    | BP.CĐHA | 1 | 298.837.316   | 298.837.316   |
| 232 | Máy siêu âm đo độ xơ gan Fibro Scan 530                                                                                                                                                                                                                        | BP.CĐHA | 1 | 3.838.500.000 | 3.838.500.000 |
| 233 | Xe đẩy máy siêu âm                                                                                                                                                                                                                                             | BP.CĐHA | 1 | 10.000.000    | 10.000.000    |
| 234 | Máy nội soi trực tràng, đại tràng                                                                                                                                                                                                                              | BP.CĐHA | 1 | 2.805.290.125 | 2.805.290.125 |
| 235 | Máy siêu âm màu xách tay                                                                                                                                                                                                                                       | BP.CĐHA | 1 | 600.000.000   | 600.000.000   |
| 236 | Bộ máy tính: CMS X Media XM2L - E66                                                                                                                                                                                                                            | BP.CĐHA | 1 | 14.750.000    | 14.750.000    |
| 237 | Thang máy tải khách Misubishi 1                                                                                                                                                                                                                                | BP.HC   | 1 | 988.500.000   | 988.500.000   |
| 238 | Thang máy tải khách Misubishi 1                                                                                                                                                                                                                                | BP.HC   | 1 | 813.000.000   | 813.000.000   |
| 239 | Máy phát điện Honda EP6500CX                                                                                                                                                                                                                                   | BP.HC   | 1 | 29.950.000    | 29.950.000    |
| 240 | Điều hòa Panasonic 12000 BTU                                                                                                                                                                                                                                   | BP.HC   | 1 | 17.600.000    | 17.600.000    |
| 241 | Bộ máy tính để bàn FPT Elead TT64 G6400 4.0 H47M2-F22FA/22FH - Việt Nam                                                                                                                                                                                        | BP.HC   | 1 | 13.670.000    | 13.670.000    |
| 242 | Bộ máy tính : CMS X Media XM2L - E66                                                                                                                                                                                                                           | BP.HC   | 1 | 14.750.000    | 14.750.000    |
| 243 | Máy tính xách tay HP 240 G8, core i3-1005G1                                                                                                                                                                                                                    | BP.HC   | 2 | 14.850.000    | 29.700.000    |

|     |                                                                                                                                                               |         |    |             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|-------------|-------------|
| 244 | Hệ thống phòng họp trực tuyến Tele - head Bệnh Viện                                                                                                           | BP.HC   | 1  | 275.000.000 | 275.000.000 |
| 245 | Máy vi tính CMS                                                                                                                                               | V.Thư   | 1  | 13.983.722  | 13.983.722  |
| 246 | Máy San Plustek PS 388U                                                                                                                                       | V.Thư   | 1  | 18.950.000  | 18.950.000  |
| 247 | Máy Photocopy BP -50M45; Nhãn hiệu:Sharp                                                                                                                      | V.Thư   | 1  | 90.000.000  | 90.000.000  |
| 248 | Bàn ghế gỗ gụ đồi đường KT: 1,2m x 0,7m Ghế KT: 0,6 m x 0,6m                                                                                                  | BP.TCCB | 1  | 26.000.000  | 26.000.000  |
| 249 | Bộ máy tính HP Pavilion                                                                                                                                       | BP.TCCB | 1  | 14.650.000  | 14.650.000  |
| 250 | Loa JBL - JBX100-250W                                                                                                                                         | HT2     | 1  | 27.450.000  | 27.450.000  |
| 251 | Tivi Panasonic 50inch                                                                                                                                         | HT2     | 1  | 22.800.000  | 22.800.000  |
| 252 | Bàn quầy có rãnh hoa sơn nâu cao cấp KT: 160 * 420 * 75                                                                                                       | HT2     | 1  | 16.400.000  | 16.400.000  |
| 253 | Bộ bàn ghế phòng họp giao ban kiểu Đài Loan, 40 ghế tay da                                                                                                    | HT2     | 40 | 1.450.000   | 58.000.000  |
| 254 | Máy chiếu đa năng Hitachi CP RX94                                                                                                                             | HT2     | 1  | 40.000.000  | 40.000.000  |
| 255 | Máy chiếu đa năng Hitachi CP-EX250                                                                                                                            | HT4     | 1  | 45.550.000  | 45.550.000  |
| 256 | Điều hòa Panasonic 18000BTU                                                                                                                                   | HT7     | 4  | 19.761.500  | 79.046.000  |
| 257 | Đôi loa BMB CSX 850                                                                                                                                           | HT7     | 1  | 16.750.000  | 16.750.000  |
| 258 | Máy chiếu đa năng Hitachi CP - EX250                                                                                                                          | HT7     | 1  | 43.500.000  | 43.500.000  |
| 259 | Thiết bị am thanh (Quản lý nguồn EQLIZER DBX 231, cung suất CA9, công suất CB800)                                                                             | HT4     | 1  | 24.320.000  | 24.320.000  |
| 260 | Bàn ghế tiếp dân gỗ sồi Nga màu óc chó, số lượng và KT: 1 ghế dài 1m, cao 0,8 rộng 0,65; 2 ghế 0,65 x 0,65, cao 0,8; 1 bàn 1,4m x 0,60m, 1 bàn kẹp 0,45x0,45m | P.TD    | 1  | 24.810.000  | 24.810.000  |
| 261 | Tivi LCD LG 32 in LA32A330                                                                                                                                    | P.GĐ    | 1  | 12.380.000  | 12.380.000  |
| 262 | Máy tính Apple Macbook Pro                                                                                                                                    | P.GĐ    | 1  | 11.880.000  | 11.880.000  |
| 263 | Ghế xoay da Đài Loan cao cấp loại to                                                                                                                          | P.GĐ    | 1  | 15.000.000  | 15.000.000  |
| 264 | Bàn Làm việc gỗ xoan đào: KT 2200 x1100 x 750mm +1 bàn vi tính, KT: 1200 x 400 x 660mm +1 học đi động 3 ngăn kéo                                              | P.GĐ    | 1  | 19.000.000  | 19.000.000  |
| 265 | Tủ tài liệu 5 cánh gỗ xoan đào                                                                                                                                | P.GĐ    | 1  | 16.500.000  | 16.500.000  |
| 266 | Bàn ghế phòng khách gỗ hương gồm 1 bàn+ 1 ghế dài + 2 ghế đơn + 2 đôn                                                                                         | P.GĐ    | 1  | 25.000.000  | 25.000.000  |
| 267 | Bàn, ghế gỗ gụ đồi đường KT: 1,2m x 0,7m Ghế KT: 0,6m x 0,6m                                                                                                  | P.PGĐ   | 1  | 24.500.000  | 24.500.000  |

|     |                                                                                                                                                         |       |   |                        |                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---|------------------------|------------------------|
| 268 | Ghế xoay da Đài Loan cao cấp loại trung                                                                                                                 | P.PGD | 1 | 11.500.000             | 11.500.000             |
| 269 | Máy vi tính để bàn (Media XE2H)                                                                                                                         | P.PGD | 1 | 15.561.813             | 15.561.813             |
| 270 | Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi Nga, số lượng và KT: 1 ghế dài 1,8, cao 0,8 rộng 0,65; 2 ghế 0,65 x 0,65, cao 0,80; 1 bàn 1,4m x 0,60, 1 bàn kẹp 0,45 x 0,45m | P.PGD | 1 | 10.000.000             | 10.000.000             |
| 271 | Bộ máy tính : CMS X Media XM2L - E66                                                                                                                    | P.PGD | 1 | 14.750.000             | 14.750.000             |
| 272 | Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi Nga, số lượng và KT: 1 ghế dài 1,8, cao 0,8 rộng 0,65; 2 ghế 0,65 x 0,65, cao 0,80; 1 bàn 1,4m x 0,60, 1 bàn kẹp 0,45 x 0,45m | P.PGD | 1 | 10.000.000             | 10.000.000             |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                        |       |   | <b>161.033.758.842</b> | <b>147.087.232.695</b> |

